

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng  
phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường  
trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN  
KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ BẢY**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 23 tháng 8 năm 2016;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;*

*Căn cứ Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Xét Tờ trình số 91/TTr-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về dự thảo Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

**2. Đối tượng áp dụng**

a) Các cơ quan được giao nhiệm vụ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường;

b) Các tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường;

c) Các cơ quan, tổ chức và cá nhân khác có liên quan.

**Điều 2. Mức thu phí**

<b>TT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Mức thu phí (đồng/giấy phép/ dự án/cơ sở)</b>
<b>I</b>	<b>Đối với cấp tỉnh</b>	
1	Phí thẩm định cấp giấy phép môi trường	
1.1	Đối với dự án thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường	9.000.000
1.2	Đối với dự án không phải thực hiện đánh giá tác động môi trường	11.500.000
1.3	Đối với dự án hoạt động trước ngày Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 có hiệu lực	4.600.000
2	Phí thẩm định cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường	
2.1	Cấp lại giấy phép môi trường	4.600.000
2.2	Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường	280.000
<b>II</b>	<b>Đối với cấp huyện</b>	
1	Phí thẩm định cấp giấy phép môi trường	
1.1	Đối với dự án không phải thực hiện đánh giá tác động môi trường	7.800.000
1.2	Đối với dự án hoạt động trước ngày Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 có hiệu lực	2.900.000
2	Phí thẩm định cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường	
2.1	Cấp lại giấy phép môi trường	2.900.000
2.2	Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường	210.000



Mức thu phí trên tính theo lần thẩm định cấp/cấp lại/điều chỉnh giấy phép môi trường. Mức phí không bao gồm chi phí lấy mẫu và phân tích mẫu chất thải. Chi phí lấy mẫu và phân tích mẫu chất thải do tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép môi trường chi trả theo quy định của pháp luật.

### **Điều 3. Đối tượng nộp phí và tổ chức thu phí**

1. Đối tượng nộp phí: Các tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

2. Tổ chức thu phí

a) Đối với cấp tỉnh: Sở Tài nguyên và Môi trường;

b) Đối với cấp huyện: Phòng Tài nguyên và Môi trường.

### **Điều 4. Chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí**

1. Kê khai, thu, nộp phí

a) Đối tượng nộp phí thực hiện nộp phí thẩm định đề nghị cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường trong thời gian 05 (Năm) ngày làm việc tính từ ngày nhận văn bản thông báo nộp phí của cơ quan thẩm định. Phí nộp đủ trực tiếp cho tổ chức thu phí hoặc nộp vào tài khoản phí chờ nộp ngân sách của tổ chức thu phí mở tại Kho bạc Nhà nước.

b) Chậm nhất là ngày 05 hằng tháng, tổ chức thu phí phải nộp số tiền phí đã thu của tháng trước vào tài khoản phí chờ nộp ngân sách mở tại Kho bạc nhà nước.

c) Tổ chức thu phí thực hiện kê khai, nộp số tiền phí thu được theo tháng, quyết toán năm theo quy định tại Luật Quản lý thuế.

2. Quản lý và sử dụng phí

Tổ chức thu phí được trích lại 90% số tiền thu phí để trang trải chi phí cho các nội dung chi theo quy định của pháp luật hiện hành về quản lý và sử dụng phí; nộp 10% còn lại vào ngân sách nhà nước theo quy định.

### **Điều 5. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Bãi bỏ “Phí thẩm định đề án xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi” quy định tại khoản 3 Điều 1 của Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên và khoản 3 Điều 2 của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên ban hành quy định về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; bãi bỏ toàn bộ mục 1.3 Phụ lục III của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND

ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên ban hành quy định về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, Kỳ họp thứ bảy thông qua ngày 20 tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 2022./.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (Báo cáo);
- Chính phủ (Báo cáo);
- Bộ Tài chính (Báo cáo);
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (Báo cáo);
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Báo cáo);
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp (Kiểm tra);
- Thường trực Tỉnh ủy (Báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh Khoá XIV;
- Toà án nhân dân tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh;
- Kiểm toán nhà nước Khu vực X;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Báo Thái Nguyên, Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND

**CHỦ TỊCH**

**Phạm Hoàng Sơn**

